

Mối quan hệ giữa sở thích môn học với định hướng nghề nghiệp của học sinh Trường Trung học cơ sở Trần Quốc Toản, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Phan Đức Ngai

Trường Đại học Khánh Hòa
Số 1 Nguyễn Chánh, Lộc Thọ, Nha Trang,
Khánh Hòa, Việt Nam
Email: phanducngai@ukh.edu.vn

Vũ Thị Hoàng Mỹ

Email: vthmy.c2tqtoan.nt@khanhhoa.edu.vn

Nguyễn Đình Khánh Bình

Email: nguyendinhkhanhbintqt@gmail.com

Phạm Thái Hồng Trang

Email: phamthaihongtrangtqt@gmail.com

Trường THCS Trần Quốc Toản - Nha Trang
46A Lê Đại Hành, Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam

TÓM TẮT: Mối quan hệ giữa sở thích môn học với định hướng nghề nghiệp của học sinh Trường Trung học cơ sở Trần Quốc Toản thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được xác định bằng phép phân tích tương quan đa biến (CCA). Kết quả cho thấy, sở thích môn học có mối quan hệ chặt chẽ và chi phối định hướng nghề nghiệp của từng học sinh. Kết quả nghiên cứu này góp phần củng cố cơ sở khoa học cho việc xây dựng mô hình trải nghiệm sáng tạo phù hợp với việc phân luồng học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm theo sở thích môn học và định hướng nghề nghiệp.

TỪ KHÓA: Mối quan hệ; sở thích môn học; định hướng nghề nghiệp; trung học cơ sở Trần Quốc Toản; Nha Trang.

→ Nhận bài 25/10/2017 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 14/11/2017 → Duyệt đăng 25/01/2018.

1. Đặt vấn đề

Gần đây, chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) tổng thể vừa được Ban Chỉ đạo đổi mới chương trình sách giáo khoa GDPT thông qua ngày 27 tháng 7 năm 2017 và sẽ được triển khai chậm nhất vào năm 2020. Theo đó, trong chương trình GDPT tổng thể mới, được bổ sung hoạt động giáo dục bắt buộc, đó là “Hoạt động trải nghiệm và hướng nghề” với 1.260 tiết/năm. Trong đó, cấp Tiểu học chiếm 41,7% tổng số tiết/năm (525 tiết/năm), cấp Trung học cơ sở (THCS) chiếm 33,3% (420 tiết/năm) tổng số tiết/năm và Trung học phổ thông chiếm 25% còn lại.

Để xây dựng được các mô hình hoạt động trải nghiệm phù hợp với sở thích môn học, sở thích cuộc sống và định hướng nghề nghiệp cho từng nhóm học sinh (HS) của từng trường phổ thông, cần phải có các nghiên cứu cụ thể về mối quan hệ giữa các sở thích của HS. Tổng hợp các nghiên cứu [1], [2], [3] cho thấy, đa số các nghiên cứu đều đề cập tới hình thức, phương pháp tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông. Các thông tin về mối quan hệ giữa sở thích môn học với định hướng nghề nghiệp của HS phổ thông hoàn toàn chưa được đề cập. Vì thế, nghiên cứu mối quan hệ giữa sở thích môn học với định hướng nghề nghiệp của HS phổ thông là việc làm cần thiết và cấp bách nhằm góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng mô hình trải nghiệm sáng tạo phù hợp với việc phân luồng HS tham gia hoạt động trải nghiệm theo sở thích môn học và định hướng nghề nghiệp. Trong bài viết này, chúng tôi khảo sát HS Trường THCS Trần Quốc Toản, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Đọc, phân tích, hệ thống hóa, khái quát hóa các tài liệu viết về mô hình trải nghiệm sáng tạo, sở thích môn học, định hướng nghề nghiệp, mối quan hệ giữa chúng.

- Lập phiếu điều tra sở thích môn học và định hướng nghề nghiệp của HS ở các khối lớp khác nhau. Mỗi khối khảo sát 7 lớp đại diện, mỗi lớp khảo sát 20 HS đại diện cho các HS đạt loại học lực khác nhau như loại giỏi, loại khá, loại trung bình, loại yếu, loại kém. Mỗi trường khảo sát 28 lớp với tổng số 560 HS.

- Phân tích mối quan hệ giữa sở thích môn học với định hướng nghề nghiệp bằng phép phân tích tương quan đa biến (Canonical Correspondence Analysis – CCA) [4] trên phần mềm Past V.3.07 [5] theo hướng dẫn của Phan Đức Ngai (2016) [6].

- Mối quan hệ giữa sở thích môn học với định hướng nghề nghiệp của HS THCS thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được phân tích dựa vào kết quả thống kê đa biến về mối liên hệ giữa định hướng nghề nghiệp với sở thích môn học (Khoa học Tự nhiên (KHTN), Khoa học Xã hội (KHXH), năng khiếu (NK) và ngoại ngữ (NN)) của 560 HS THCS.

- Xác định yếu tố sở thích môn học có ý nghĩa chi phối định hướng nghề nghiệp được lựa chọn theo phương pháp chọn tiến tới (forward selection) của Ter Braak C. J. F. (1986) [4].

- Sử dụng phần mềm Excel 2016 để mã hóa số liệu.

- Sử dụng phần mềm Past V.3.07 [5] theo hướng dẫn của Phan Đức Ngai (2016) [6] để truy xuất biểu đồ, hình ảnh, bảng biểu về mối quan hệ sở thích môn học với định hướng nghề nghiệp. Trong biểu đồ, loại định hướng nghề nghiệp nào phân bố càng gần với đường thẳng biểu thị sở thích môn học thì có quan hệ càng gần gũi và chịu sự chi phối của sở thích môn học đó của HS.

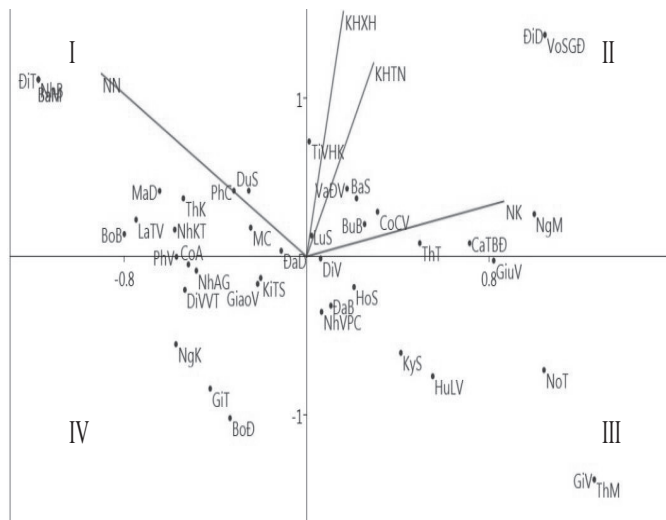
2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Mối quan hệ giữa sở thích môn học với định hướng nghề nghiệp của học sinh khối 6

Kết quả phân tích tương quan đa biến (CCA) cho thấy, các loại định hướng nghề nghiệp không được HS chọn nên hiện

Bảng 2: Yếu tố sở thích môn học có ý nghĩa chi phối định hướng nghề nghiệp của HS khối 7 được lựa chọn theo phương pháp chọn tiến tới

	Trục			
	f1	f2	f3	f4
Tương quan của yếu tố môn học với thứ tự các trục				
(1) KHTN	0,147	0,61	-0,391	0,708
(2) KHXH	0,081	0,772	0,385	0,521
(3) NK	0,432	0,174	0,315	0,79
(4) NN	-0,45	0,576	-0,143	0,747
Giá trị eigen	0,205	0,162	0,099	0
Biến thiên phần trăm lũy tiến tương quan giữa định hướng nghề nghiệp với sở thích môn học	55,91	65,32	78,8	100
Tổng giá trị eigen có giới hạn (Canonical eigen values)				0,466
Mức độ sai khác có ý nghĩa của tổng giá trị eigen bằng Monte Carlo test				0,28

*Hình 2: Mối tương quan giữa định hướng nghề nghiệp với sở thích môn học của HS khối 7*

Hình 2) như: Đi tu (ĐiT), Nhà báo (NhB), Bảo mẫu (BaM), Bồi bàn (BoB), Lập trình viên (LaTV), Mại dâm (MaD), Phóng viên (PhV), Nhà kinh tế học (NhKT), Thư kí (ThK), Phi công (PhC), Dẫn chương trình (MC), Dược sĩ (DuS), Đạo diễn (ĐaD) (Phân bố ô số I); Bác sĩ (BaS), Bào hiểm (BaH), Buôn bán (BuB), Cầu thủ bóng đá (CaTBD), Công chứng viên (CoCV), Điều dưỡng (ĐiD), Luật sư (LuS), Người mẫu (NgM), Thám tử (ThT), Tiếp viên hàng không (TiVHK), Thợ xây (ThX), Vận động viên (VaĐV), Võ sĩ giác đấu (VoSGĐ) (Phân bố ô số II). Trong đó, có một số

định hướng nghề nghiệp của HS lại chịu sự chi phối mạnh mẽ của sở thích môn học như: Nghề Phi công chịu sự chi phối mạnh mẽ của sở thích các môn học NN; nghề Luật sư chịu sự chi phối mạnh mẽ các môn học KHXH và KHTN của HS (Hình 2).

2.2.3. Môi quan hệ giữa sở thích môn học với định hướng nghề nghiệp của học sinh khối 8

Kết quả phân tích tương quan đa biến (CCA) cho thấy, các loại định hướng nghề nghiệp được HS chọn nhưng phân bố ở ô số I, III và IV nên có rất ít mối quan hệ với sở thích môn học của HS khối 8 (Hình 3) như: Bác sĩ (BaS), Công an (CoA), Cầu thủ bóng đá (CaTBD), Công chứng viên (CoCV), Công tác xã hội (CoTXH), Diễn viên (DiV), Diễn viên võ thuật (DiVVT), Dược sĩ (DuS), Đầu bếp (ĐaB), Điều dưỡng (ĐiD), Điêu khắc đá (ĐiKĐ), Đi tu (ĐiT), Giáo viên (GiaoV), Giúp việc (GiuV), Họa sĩ (HoS), Kiến trúc sư (KiTS), Kĩ sư (KyS), Lập trình viên (LaTV), Luật sư (LuS), Mại dâm (MaD), Dẫn chương trình (MC), Người mẫu (NgM), Nhà báo (NhB), Nhà kinh tế học (NhKTH), Nhiếp ảnh gia (NhAG), Nội trợ (NoT), Thám tử (ThT), Thợ mộc (ThMoc), Thủ thư (ThT), Thư kí (ThK), Tổng thầu xây dựng (ToTXD), Vận động viên (VaĐV), Võ sĩ giác đấu (VoSGĐ), Xe ôm (XeO), Nghề khác (NgK).

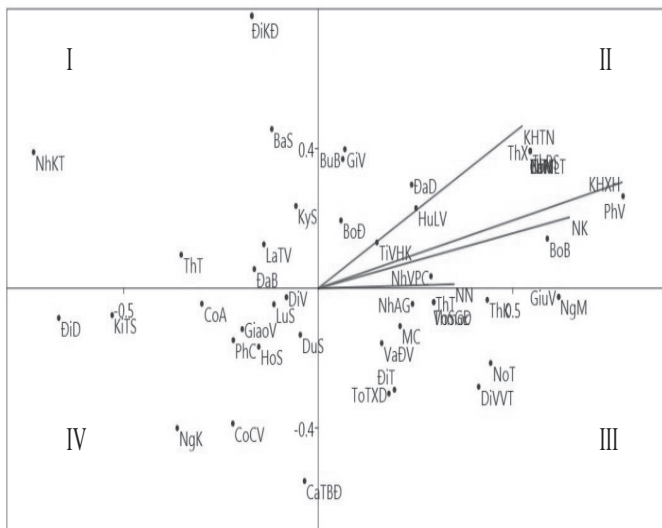
Các loại định hướng nghề nghiệp được HS chọn và phân bố ở ô số II nên có mối quan hệ và chịu sự chi phối của sở thích môn học của HS khối 8 với mức độ sai khác có ý nghĩa bằng 0,18 (Mức độ tin cậy 82%) (Bảng 3, Hình 3) như: Buôn bán (BuB), Giảng viên (GiV), Bộ đội (BoĐ), Tiếp viên hàng không (TiVHK), Đạo diễn (ĐaD), Huấn luyện viên (HuLV), Thợ xây (ThX), Nhân viên pha chế (NhVPC), Bồi bàn (BoB), Phi công (PhC), Vú nuôi (VuN), Bảo mẫu (BaM), Bảo hiểm (BaH), Công nhân (CoN), Gia sư (GiS), Giám thị (GiT), Lao công (LaC), Nhân viên lưu trữ (NhVLT), Phóng viên (PhV), Thợ hồ (ThH), Thợ may (ThM), Thợ máy (ThMa), Thợ mỏ (ThMo), Thợ rèn sắt (ThRS), Tư vấn xây dựng (TuVXD). Trong đó, có một số định hướng nghề nghiệp của HS lại chịu sự chi phối mạnh mẽ của sở thích môn học như: Nghề Tiếp viên hàng không và Huấn luyện viên chịu sự chi phối mạnh mẽ của sở thích các môn học KHTN; nghề Phóng viên chịu sự chi phối mạnh mẽ các môn học KHXH; nghề Bồi bàn chịu sự chi phối mạnh mẽ của các môn học NK; nghề Nhân viên pha chế lại chịu sự chi phối mạnh mẽ của các môn học NN của HS (Hình 3).

2.2.4. Môi quan hệ giữa sở thích môn học với định hướng nghề nghiệp của học sinh khối 9

Kết quả phân tích tương quan đa biến (CCA) cho thấy, các loại định hướng nghề nghiệp không được HS chọn nên hiển nhiên không có mối quan hệ với sở thích môn học của HS khối 9 như: Bảo mẫu (BaM), Bảo hiểm (BaH), Thủ thư (ThT).

Bảng 3: Yếu tố sở thích môn học có ý nghĩa chi phối định hướng nghề nghiệp của HS khối 8 được lựa chọn theo phương pháp chọn tiến tới

	Trục			
	f1	f2	f3	f4
Tương quan của yếu tố môn học với thứ tự các trục				
(1) KHTN	0,524	0,464	0,666	-0,803
(2) KHXH	0,78	0,303	0,133	-0,444
(3) NK	0,645	0,203	0,857	-0,545
(4) NN	0,348	0,012	0,598	-0,908
Giá trị eigen	0,127	0,084	0,078	0
Biến thiên phần trăm lũy tiến tương quan giữa sở thích trong cuộc sống với sở thích môn học	56,11	70,89	73,17	100
Tổng giá trị eigen có giới hạn (Canonical eigen values)				0,289
Mức độ sai khác có ý nghĩa của tổng giá trị eigen bằng Monte Carlo test				0,18



Hình 3: Mối tương quan giữa định hướng nghề nghiệp với sở thích môn học của HS khối 8

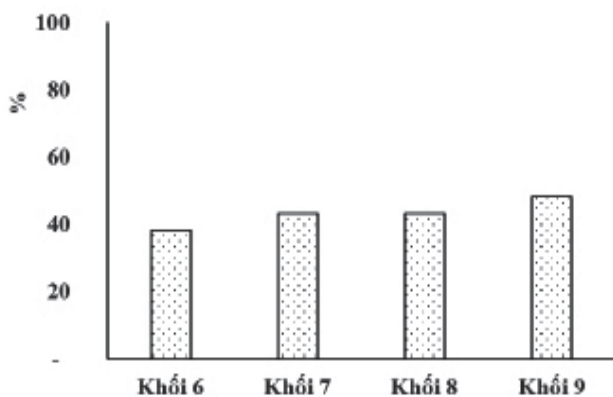
Các loại định hướng nghề nghiệp được HS chọn nhưng phân bố ở ô số III và IV nên có rất ít mối quan hệ với sở thích môn học của HS khối 9 (Hình 4) như: Vú nuôi (VuN), Bồi bàn (BoB), Công tác xã hội (CoTXH), Dược sĩ (DuS), Đi tu (ĐiT), Giám thị (GiT), Giảng viên (GiV), Giáo viên (GiaoV), Giúp việc (GiuV), Họa sĩ (HoS), Kiến trúc sư (KiTS), Lao công (LaC), Lập trình viên (LaTV), Luật sư (LuS), Nhà báo (NhB), Nhà kinh tế học (NhKTH), Nhân viên pha chế (NhVPC), Thám tử (ThT), Thợ hồ (ThH), Thợ xây (ThX), Thợ máy (ThMa), Thợ

mỏ (ThMo), Thợ mộc (ThMoc), Thợ rèn sắt (ThRS), Thợ xây (ThX), Tư vấn xây dựng (TuVXD), Võ sĩ giác đấu (VoSGĐ), Xe ôm (XeO), Nghề khác (NgK).

Các loại định hướng nghề nghiệp được HS chọn và phân bố ở ô số I và II nên có mối quan hệ và chịu sự chi phối của sở thích môn học của HS khối 9 với mức độ sai khác có ý nghĩa bằng 0,05 (Mức độ tin cậy 95%) (Bảng 4, Hình 4) như: Nội trợ (NoT), Điều khắc đá (ĐiKĐ), Thợ may (ThM), Phóng viên (PhV), Gia sư (GiS), Tiếp viên hàng không (TiVHK), Nhân viên lưu trữ (NhVLT), Vận động viên (VaĐV), Tổng thầu xây dựng (ToTXD), Bộ đội (BoĐ), Buôn bán (BuB), Công an (CoA), Thư kí (ThK), Bác sĩ (BaS), Kỹ sư (KyS) (Phân bố ô số I) chịu sự chi phối của các môn học KHTN; Nhiếp ảnh gia (NhAG), Người mẫu (NgM), Mại dâm (MaD), Công nhân (CoN), Huấn luyện viên (HuLV), Điều dưỡng (ĐiD), Đạo diễn (ĐaD), Dẫn chương trình (MC), Đầu bếp (ĐaB), Diễn viên võ thuật (ĐiVVT), Diễn viên (ĐiV), Phi công (PhC), Công chứng viên (CoCV), Cầu thủ bóng đá (CaTBĐ) (Phân bố ô số II) chịu sự chi phối của các môn học KHXH, NK và NN. Trong đó, có một số định hướng nghề nghiệp của HS lại chịu sự chi phối mạnh mẽ của sở thích môn học như: Nghề Điều khắc đá, Thợ may chịu sự chi phối mạnh mẽ của sở thích các môn học KHTN; nghề Dẫn chương trình chịu sự chi phối mạnh mẽ các môn học KHXH; nghề Diễn viên chịu sự chi phối mạnh mẽ của sở thích các môn học NK của HS (Hình 4).

Bảng 4: Yếu tố sở thích môn học có ý nghĩa chi phối định hướng nghề nghiệp của HS khối 9 được lựa chọn theo phương pháp chọn tiến tới

Trục				
	f1	f2	f3	f4
Tương quan của yếu tố môn học với thứ tự các trục				
(1) KHTN	-0,118	0,339	-0,784	0,317
(2) KHXH	0,292	0,447	-0,743	0,209
(3) NK	0,462	0,45	0,352	0,703
(4) NN	0,619	0,053	0,327	0,772
Giá trị eigen	0,134	0,103	0,075	0
Biến thiên phần trăm lũy tiến tương quan giữa sở thích trong cuộc sống với sở thích môn học	57,1	66,97	76	100
Tổng giá trị eigen có giới hạn (Canonical eigen values)				0,312
Mức độ sai khác có ý nghĩa của tổng giá trị eigen bằng Monte Carlo test				0,05



Hình 6: Tỷ lệ phần trăm định hướng nghề nghiệp có mối quan hệ chặt chẽ với sở thích môn học của HS khối 6, 7, 8 và 9

HS Trường THCS Trần Quốc Toàn. Tuy nhiên, có sự khác nhau giữa các khối 6, 7, 8 và 9 về tỷ lệ % định hướng nghề nghiệp có mối quan hệ chặt chẽ với sở thích môn học của HS nhưng sự khác nhau đó không quá lớn và có tỷ lệ khá cao, dao động từ 38% - 48%. Trong đó, tỷ lệ định hướng nghề nghiệp có mối quan hệ chặt chẽ với sở thích môn học của HS khối 6 thấp nhất, chỉ chiếm trên 38% tổng số định hướng nghề nghiệp được xem xét (60 nghề nghiệp); tiếp đến là khối 7 và 8, chiếm trên 43%; cao nhất là khối 9, chiếm trên 48% tổng số định hướng nghề nghiệp được xem xét (Hình 6). Vì vậy,

đối với HS Trường THCS Trần Quốc Toàn, nhà trường nên tổ chức cho HS khối 6, 7, 8 và 9 trải nghiệm sáng tạo theo định hướng nghề nghiệp có mối quan hệ với sở thích môn học của HS nhằm kích thích tính hưng phấn, sở trường của HS. Thông qua hình thức trải nghiệm này giúp cho HS lĩnh hội kiến thức môn học KHTN, KHXH, NK và NN nhanh và hiệu quả nhất.

3. Kết luận

Kết quả phân tích tương quan đa biến (CCA) cho thấy, sở thích môn học có mối quan hệ chặt chẽ và chi phối định hướng nghề nghiệp của từng HS. Phần lớn HS Trường THCS Trần Quốc Toàn, Nha Trang, Khánh Hòa có sở thích các môn học KHTN thì định hướng nghề nghiệp là Bác sĩ, Nhân viên pha chế, Tiếp viên hàng không, Điêu khắc đá và Thợ may; thích các môn học KHXH thì định hướng nghề nghiệp là Luật sư, Phóng viên, Dẫn chương trình Công chúng viên và Thám tử; thích các môn học NK thì định hướng nghề nghiệp là Huấn luyện viên, Diễn viên, Bồi bàn và Đầu bếp; thích các môn học NN thì định hướng nghề nghiệp là Người mẫu, Phi công, Nhân viên pha chế. Kết quả nghiên cứu này góp phần củng cố cơ sở khoa học cho việc xây dựng mô hình trải nghiệm sáng tạo phù hợp với việc phân luồng HS tham gia hoạt động trải nghiệm theo sở thích môn học và định hướng nghề nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Ngọc Diệp, (2015), *Hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 113, tr.37-43.
- [2] Nguyễn Thị Kim Dung - Nguyễn Thị Hằng, (2015), *Một số phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh phổ thông*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, tr.60.
- [3] Trần Thị Gái - Phan Thị Thanh Hội, (2017), *Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học Sinh học ở trường phổ thông*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 144, tháng 9, tr.45.
- [4] Ter Braak C. J. F., *Canonical correspondence analysis: a new eigenvector technique for multivariate direct gradient analysis*, Ecology, 67, 1986, tr. 1167 - 1179.
- [5] Natural History Museum, (1999-2015), *Paleontological Statistics Version 3.07*, Norway, University of Oslo.
- [6] Phan Đức Ngai, (2016), *Nguồn lợi sinh vật đáy trong thủy vực nửa kín ở vùng biển ven bờ Bình Định và Khánh Hòa*, Học viện Khoa học và Công nghệ - VAST, Hà Nội.

THE RELATIONSHIP BETWEEN STUDENTS' SUBJECT INTEREST AND VOCATIONAL ORIENTATION AT TRAN QUOC TOAN LOWER SECONDARY SCHOOL IN NHA TRANG CITY- KHANH HOA PROVINCE

Phan Duc Ngai

University of Khanh Hoa
1 Nguyen Chanh, Loc Tho, Nha Trang,
Khanh Hoa, Vietnam
Email: phanducngai@ukh.edu.vn

Vu Thi Hoang My

Email: vthmy.c2tqtoan.nt@khanhhoa.edu.vn

Nguyen Dinh Khanh Binh

Email: nguyendinhkhanhbintqt@gmail.com

Pham Thai Hong Trang

Email: phamthaihongtrangtqt@gmail.com

Tran Quoc Toan lower secondary school
46A Le Dai Hanh, Nha Trang, Khanh Hoa, Vietnam

ABSTRACT: *The relationship between students' subject interest and vocational orientation at Tran Quoc Toan lower secondary school in Nha Trang city-Khanh Hoa province was determined by Multivariate correlation analysis. The results showed that the subject interest has a close relationship and impact on the vocational orientation of each student. The research findings contributed to provide scientific base to develop the creative experiential models that are appropriate for classifying students' joint into experiential activities towards their subject interest and vocational orientation.*

KEYWORDS: Relationship; subject interest; vocational orientation; Tran Quoc Toan lower secondary school; Nha Trang.